

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HS-PT
Ngày: 15-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Thanh
Ông Nguyễn Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02, 09 và 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 75/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2021/HS-ST ngày 25 tháng 05 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Các bị cáo:

1. Trương Thị Thanh T, sinh năm 1977. Tại Long An. Nơi cư trú: Số 31, đường NTB, khu phố 4, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hoài M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1944; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-7-2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1944. Tại Long An. Nơi cư trú: Số 31, đường NTB, khu phố 4, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Chồng: Trương Hoài M (đã chết); con nuôi: 07 người, người con lớn nhất sinh năm 1977 và người con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15-9-2020 đến ngày 26-11-2020, được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V: Luật sư Nguyễn Văn M – Thành viên Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Ngoài ra, còn có bị cáo Nguyễn Thanh T1 (Tên gọi khác: PM), sinh năm: 1991; nơi sinh: Thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; nơi cư trú: Số 31, đường NTB, khu phố 4, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, không có kháng cáo, kháng nghị.

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị có triệu tập:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố TP, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, Long An. (Vắng mặt)

2. Huỳnh Văn T2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp A, xã LA, huyện Cần Giuộc, Long An. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Phạm Quốc Ch, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Khu phố HT 2, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn CG, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Khu 1C, thị trấn CĐ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

4. Nguyễn Minh T3, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Khu phố TH, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

5. Ngô Minh H1, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Khu phố Thanh Hà, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

6. Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Ấp Lũy, xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

7. Dương Văn Minh Đ, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp 2, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

8. Nguyễn Tấn Th, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Khu 1C, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

9. Phùng Minh T4, sinh năm: 1977. Địa chỉ: 101/9 THĐ, Khu B, thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 02-7-2019, tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V, thuộc khu phố 4, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, có hai người đi xe mô tô đến gồm Nguyễn Văn Q và Huỳnh Văn T2 để mua ma túy về sử dụng, cụ thể: Q vào nhà gặp bị cáo V là mẹ của bị cáo Nguyễn Thanh T1 mua 01 tép ma túy loại heroine, với giá 100.000 đồng rồi quay ra ngoài đường đứng đợi T2 vào mua ma túy. Trong lúc bị cáo V đang đi lấy ma túy để bán cho T2, thì bị lực lượng Công an huyện Cần Giuộc bắt quả tang, thu giữ tang vật gồm: 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng, hàn kín 02 đầu, bên trong có chất bột màu trắng và số tiền 200.000 đồng.

Qua khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo V, lực lượng Công an thu giữ: 19 đoạn ống hút màu trắng, hàn kín 02 đầu, bên trong chứa chất bột màu trắng; 26 đoạn ống hút màu trắng, hàn kín 01 đầu; 01 tấm kính, kích thước 24cm x 37cm x 0,2cm; 10 cái lưỡi lam (04 cái đã qua sử dụng); 120 ống hút bằng nhựa màu trắng; 02 ống quẹt (01 cái màu trắng – đỏ đen; 01 cái màu trắng – đen – xanh).

Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ: 01 điện thoại di động (Viết tắt ĐTDĐ) Nokia, màu xanh hiệu 1202, số sim 0939.530.135 và số tiền 3.500.000 đồng của bị cáo T1; 01 ĐTDĐ Iphone 6, màu đồng, số sim 0908.279.134 của Nguyễn Thị Tuyết Ng; 01 ĐTDĐ Oppo, loại F5, màu đỏ - đen, số sim 0329.334.081, số tiền 13.000.000 đồng và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Thanh T của bị cáo T; 01 ĐTDĐ hiệu Oppo, màu đỏ - đen, số sim 0337.187.506; 01 điện thoại hiệu Meizu, màu đỏ đen, không sim và tiền 600.000 đồng của bị cáo V; 01 ĐTDĐ hiệu Oppo, màu đồng, số sim 0362.287.022 của Trương Gia Huy. Trong quá trình truy tố các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc thu giữ 4.000.000 đồng do Nguyễn Thị Tuyết Hoa giao nộp để khắc phục 01 phần thu lợi bất chính của bị cáo T1.

Xét thấy, các tài sản không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã giao trả lại gồm: Số tiền 3.500.000 đồng cho Nguyễn Thanh T1; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6, màu đồng, số sim 0908.279.134 cho Nguyễn Thị Tuyết Ng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, loại F5, màu đỏ - đen, số sim 0329.334.081, số tiền 13.000.000 đồng và 01 (một) Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Thanh T cho Trương Thị Thanh T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ - đen, số sim 0337.187.506; 01 (một) điện thoại hiệu Meizu, màu đỏ đen, không sim và tiền 600.000 đồng cho Nguyễn Thị Cẩm V; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đồng, số sim 0362.287.022 cho Trương Gia Huy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2019/HS-ST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã xử phạt bị cáo T1 07 năm tù; bị cáo T 06 năm 03 tháng tù; bị cáo V 06 năm tù.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 67/2020/HS-PT ngày 24-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2019/HS-ST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, giao hồ sơ vụ án lại

cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Quá trình điều tra ban đầu và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22-11-2019 bị cáo T1 khai nhận: Do cần tiền tiêu xài và sử dụng ma túy nên từ giữa tháng 5-2019 đến ngày 01-7-2019, mỗi ngày T1 đi xe buýt đến Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh gặp đối tượng không rõ lai lịch, địa chỉ mua 1.400.000 đồng ma túy loại heroine đem về chia ra thành 20 tép nhỏ để bán lại cho các con nghiện với giá 100.000 đồng/tép, mỗi ngày bị cáo sử dụng 06 tép, thu lợi bình quân mỗi ngày 420.000 đồng. Tổng thu lợi trong quá trình bán ma túy là 19.000.000 đồng. Các đối tượng nghiện có nhu cầu mua ma túy thì gọi điện trước hoặc trực tiếp đến nhà bị cáo T1 để mua. Đến giữa tháng 6-2019, mỗi khi T1 đi vắng hoặc do bị bệnh thì bị cáo V và bị cáo T đã nhiều lần giúp bị cáo T1 bán ma túy cho các đối tượng đến nhà mua. Cụ thể, bị cáo T bán giúp từ 04 đến 05 lần; bị cáo V bán giúp từ 02 đến 03 lần. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13-5-2020 và ngày 24-6-2020, bị cáo T1 khai: bị cáo V bán giúp 01 lần; bị cáo T bán giúp 02 lần. Sau khi vụ án bị cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại, thì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 vẫn giữ lời khai bị cáo V bán giúp 01 lần; bị cáo T bán giúp 02 lần.

Quá trình điều tra ban đầu, bị cáo V khai nhận đã bán giúp ma túy cho bị cáo T1 từ 03 đến 04 lần. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22-11-2019, bị cáo V khai chỉ bán giúp cho bị cáo T1 từ 02 đến 03 lần. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13-5-2020 và ngày 24-6-2020 và quá trình điều tra lại cũng như phiên tòa, thì bị cáo V khai chỉ bán ma túy giúp cho bị cáo T1 01 lần.

Quá trình điều tra ban đầu và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22-11-2019, bị cáo T khai nhận đã bán giúp ma túy cho bị cáo T1 từ 04 đến 05 lần. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13-5-2020 và ngày 24-6-2020, bị cáo T khai là 02 lần. Quá trình điều tra lại và tại phiên tòa thì bị cáo T khai không có bán ma túy giúp cho bị cáo T1.

Những người đã mua ma túy do các bị cáo T1, T và V bán khai như sau:

1. Nguyễn Văn Q khai nhận: Q bắt đầu đến nhà bị cáo T1 mua ma túy từ tháng 05-2019, trong đó: Q mua ma túy do T1 bán 02-03 lần, mỗi lần 01 tép giá 100.000 đồng nhưng không nhớ chính xác ngày mua; mua ma túy do bị cáo T bán 02 lần, lần gần nhất là vào ngày 01-7-2019 mua 01 tép ma túy với giá 100.000 đồng; mua ma túy do bị cáo V bán 02 lần vào ngày 01-7-2019 và ngày 02-7-2019, mỗi lần 01 tép với giá 100.000 đồng.

2. Huỳnh Văn T2 khai nhận: T2 đến nhà của bị cáo T1 mua ma túy 01 lần do bị cáo T bán 01 tép với giá 100.000 đồng cách ngày bị Công an phát hiện khoảng 01 tuần và vào ngày 02-7-2019 khi T2 đến gặp bị cáo V hỏi mua 01 tép ma túy thì bị Công an phát hiện. Ngoài ra, vào ngày 01-7-2019 thì T còn cùng với Q đến gặp bị cáo V mua mỗi người 01 tép ma túy nhưng chỉ còn 01 tép ma túy nên bị cáo V chỉ bán cho Q và hẹn T lát sau quay lại mua ma túy.

3. Nguyễn Hoàng D khai nhận: D đã nhiều lần đến nhà T1 mua ma túy, trung bình 02 ngày mua 01 lần, mỗi lần 01 tép với giá 100.000 đồng, lần cuối cùng mua ma túy do T1 bán là vào ngày 30-6-2019.

4. Nguyễn Minh T3 khai nhận: T3 đến nhà của T1 mua ma túy do T1 bán 02 lần vào ngày 25-5-2019 và ngày 30-5-2019, mỗi lần 01 tép ma túy với giá 100.000 đồng.

5. Ngô Minh H1 khai nhận: Vào ngày 01-7-2019, H1 đến nhà của T1 mua 01 tép ma túy với giá 100.000 đồng.

6. Nguyễn Thanh S khai nhận: S mua ma túy do T1 bán 02 lần, mỗi lần 01 tép với giá 100.000 đồng. Trong đó lần thứ nhất, vào ngày 24-6-2019 T1 bán tại cây xăng ở Khu phố 2 thị trấn Cần Giuộc, lần thứ hai vào ngày 30-6-2019 tại Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc, ở khu phố 2 thị trấn Cần Giuộc.

7. Dương Văn Minh Đ khai nhận: Vào tháng 6-2019, Đ đến nhà của T1 mua ma túy do T1 bán 03 đến 04 lần, mỗi lần 01 tép với giá 100.000 đồng.

8. Nguyễn Tân Th, sinh năm 1996 khai nhận: Từ đầu tháng 5/2019 đến ngày 01-7-2019, mỗi ngày Th đều đến nhà T1 mua ma túy do T1 bán, mỗi lần 01 tép với giá 100.000 đồng.

9. Phùng Minh T4 khai nhận: T4 đến nhà T1 mua ma túy 02 lần do T1 bán vào ngày 25-6-2019 và ngày 01-7-2019, mỗi lần 01 tép với giá 100.000 đồng.

Tại Kết luận Giám định số 306/2019/KLGĐ ngày 04-7-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: chất bột màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu (mẫu 1); chất bột màu trắng trong 03 đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu (mẫu 2); chất bột màu trắng trong 16 đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu (mẫu 3) đã được niêm phong còn nguyên vẹn có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Cẩm V, gửi đi giám định, là chất ma túy loại Heroine, lần lượt có khối lượng: 0,0399 gam, 0,1644 gam, 0,8706 gam. Tổng khối lượng là 1,0749 gam. Hoàn lại đối tượng giám định: Tinh thể rắn màu trắng sau giám định có khối lượng 0,9865 gam, gồm Mẫu 1: 0,0242 gam, Mẫu 2: 0,1309 gam; Mẫu 3: 0,8314 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận giám định này.

Tại Kết luận Giám định số 444/2021/KLGĐ ngày 14-4-2021 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với bị cáo Nguyễn Thanh T1 như sau:

Về y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi “Buôn bán trái phép chất ma túy” ngày 02/7/2019 và cho đến hiện tại đối tượng Nguyễn Thanh T1 có hội chứng nghiện nhiều loại ma túy + Viêm gan C + Hội chứng thận hư (F19.2+B17+N04-ICD 10).

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi “Buôn bán trái phép chất ma túy” ngày 02-7-2019 và cho đến hiện tại đối tượng Nguyễn Thanh T1 có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2021/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thanh T1, Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, nhưng có khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15-9-2020 đến ngày 18-9-2020.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm o, x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, nhưng có khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15-9-2020 đến ngày 26-11-2020.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Thị Thanh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 02-7-2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vì bị cáo chỉ bán ma túy một lần.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, bị cáo Trương Thị Thanh T kháng cáo cho rằng: Án sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là oan cho bị cáo vì: Trong lúc điều tra bị cáo khai với Công an có bán 4-5 lần vì bị cáo muốn nhận tội thay cho mẹ bị cáo nhưng thực ra, bị cáo không biết gì về số ma túy trên. Bị cáo chỉ biết bị cáo T1 có sử dụng trái phép chất ma túy và bị cáo cũng không biết T2 là ai. Hàng ngày, bị cáo đi bán trái cây từ 06 giờ sáng cho đến 19-20 giờ hàng ngày mới về.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Thị Thanh T giữ nguyên kháng cáo kêu oan.

Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V trình bày: Bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng, nhưng bị cáo chỉ bán ma túy giúp cho bị cáo T1 duy nhất một lần vào sáng ngày 02-7-2019 thì bị bắt quả tang, ngoài ra không còn lần nào khác. Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo tuổi đã cao, bản thân mắc nhiều bệnh nên không đủ

điều kiện chấp hành hình phạt tù. Bị cáo V không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Các bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T kháng cáo kêu oan, thấy rằng: Trong quá trình điều tra ban đầu và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22-11-2019, bị cáo T khai nhận bán ma túy giúp bị cáo T1 từ 04-05 lần, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13-5 và 24-6-2020 bị cáo T khai bán ma túy giúp T1 02 lần. Tại phiên tòa sơ thẩm lần hai, bị cáo T1 vẫn khai bị cáo T bán ma túy giúp 02 lần. Lời khai của những người liên quan: Nguyễn Văn Q khai mua ma túy do T bán 02 lần, lần gần nhất là ngày 01-7-2019; Huỳnh Văn T2 khai nhận đến nhà mua ma túy do T bán 01 lần, cách ngày Công an bắt giữ khoảng một tuần. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên, nên kháng cáo kêu oan của bị cáo Trương Thị Thanh T không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo T là con của bị cáo V, bị cáo V có cha là Liệt sĩ, mẹ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng và có hai người anh là Liệt sĩ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo T, nên cấp phúc thẩm cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T.

Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vì bị cáo chỉ thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy 01 lần. Xét thấy, trong quá trình điều tra ban đầu và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22-11-2019, bị cáo V khai nhận bán ma túy giúp bị cáo T1 từ 02-03 lần, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13-5 và 24-6-2020 bị cáo V khai bán ma túy giúp T1 01 lần. Tuy nhiên, lời khai của những người liên quan gồm: Nguyễn Văn Q khai mua ma túy do bị cáo V bán 02 lần, mỗi lần 01 tép vào ngày 01-7 và 02-7-2019 thì bị bắt quả tang; Huỳnh Văn T2 khai sáng ngày 01-7-2019, T2 và Q cùng đến nhà V mua ma túy, mỗi người mua 01 tép, nhưng lúc này bị cáo V chỉ còn 01 tép bán cho Q, hẹn một lúc sau quay lại sẽ có, đến ngày 02-7-2019 T2 đến mua ma túy thì bị bắt. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên, nên bị cáo cho rằng chỉ bán ma túy 01 lần là không có cơ sở. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh trên là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo nhưng cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác. Tuy nhiên trong vụ án này, bị cáo V với vai trò là giúp sức cho bị cáo T1, không bàn bạc, không được chia lợi nhuận và có quan hệ mẹ con với bị cáo T1. Bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o và x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T và bị cáo V. Xử phạt bị cáo Trương Thị Thanh T 07 năm tù và bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V từ 05 đến 06 năm tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:

- Đối với bị cáo V: Theo lời khai của bị cáo V, trong quá trình điều tra lại vụ án, bị cáo chỉ thừa nhận 01 lần bán ma túy giúp bị cáo T1 vào ngày 02-7-2019 thì bị bắt quả tang là phù hợp với lời khai lại của bị cáo T1. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan T2 và Q cho rằng đã mua ma túy do bị cáo V bán trước đó, nhưng khi đối chất bị cáo V không thừa nhận. Do đó, bị cáo V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phạm tội 01 lần, nên khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo V có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát xem xét và chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo V. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo V.

- Đối với bị cáo T:

Sáng ngày 02-7-2019, bị cáo V bị Công an bắt quả tang tại nhà do có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, lúc này không có mặt bị cáo T tại nhà. Nếu bị cáo T có liên quan đến việc mua bán ma túy với bị cáo T1 thì chắc chắn sẽ không trở về nhà để cùng bị bắt. Đây là một tình tiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bản án phúc thẩm trước đây tuyên hủy bản án sơ thẩm do chưa đối chất, làm rõ giữa các bị cáo với những người khai mua ma túy do các bị cáo V và T bán. Sau khi điều tra lại và đối chất giữa bị cáo T với người liên quan Q và T2 nhưng bị cáo T không thừa nhận lời khai của Q và T2. Do đó, không có căn cứ để xác định bị cáo T đã bán ma túy cho người liên quan Q và T2. Án sơ thẩm lần hai chỉ dựa vào lời khai của các bị cáo V và T1 cũng như lời khai trước đó của bị cáo T, lời khai của người liên quan T2 và Q về việc mua ma túy do bị cáo T bán để buộc tội bị cáo, ngoài ra không có chứng cứ nào khác để chứng minh bị cáo T bán ma túy.

Tại phiên tòa, Luật sư đã giải thích cho bị cáo T biết rõ thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chỉ có bị cáo mới là người quyết định thành khẩn hay không thành khẩn, còn Luật sư không thể làm thay cho bị cáo, nhưng bị cáo vẫn giữ quan điểm kháng cáo kêu oan.

Trên đây, là những tình tiết để chứng minh việc bị cáo T kháng cáo kêu oan là có căn cứ. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T.

Các bị cáo V và T không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V, còn bị cáo T không bán ma túy, án sơ thẩm xử oan cho bị cáo; bị cáo V xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo chỉ bán ma túy 01 lần thì bị bắt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội:

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 02-7-2019, tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V, thuộc khu phố 4, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, Công an huyện Cần Giuộc bắt quả tang bị cáo V vừa bán một tép ma túy loại Heroin với giá 100.000 đồng cho Nguyễn Văn Q, còn Huỳnh Văn T2 đang hỏi mua một tép ma túy thì bị phát hiện. Tang vật thu giữ gồm 01 tép ma túy loại heroin và 200.000 đồng. Qua khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo V, lực lượng Công an thu giữ: 19 đoạn ống hút màu trắng, hàn kín 02 đầu, bên trong chứa chất bột màu trắng và các vật dụng khác có liên quan đến việc mua bán ma túy. Tại Kết luận Giám định số 306/2019/KLGD ngày 04-7-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: chất bột màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu (mẫu 1); chất bột màu trắng trong 03 đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu (mẫu 2); chất bột màu trắng trong 16 đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu (mẫu 3) đã được niêm phong còn nguyên vẹn có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Cẩm V, gửi giám định, là chất ma túy loại Heroin, có tổng khối lượng là 1,0749 gam.

Quá trình điều tra vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm lần một và lần hai cũng như tại phiên tòa phúc thẩm lần một, bị cáo Nguyễn Thanh T1 đều khai nhận: Số lượng ma túy bị Công an thu giữ ngày 02-7-2019 là của bị cáo T1 mua về phân nhỏ ra từng tép để bán lại cho những người nghiện đến mua để sử dụng; bị cáo T1 bắt đầu bán ma túy từ giữa tháng 5-2019 cho đến sáng ngày 02-7-2019 thì bị bắt quả tang. Ngoài lời khai của bị cáo T1, các bị cáo V và T đều xác nhận bị cáo T1 là người bán ma túy, cùng lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Ngoài ra, các bị cáo V và T đều thừa nhận bán ma túy cho bị cáo T1 cụ thể: Bị cáo V bán từ 02-03 lần và bị cáo T từ 04-05 lần. Tuy nhiên, sau đó các bị cáo thay đổi lời khai, cụ thể: Bị cáo V chỉ bán 01 lần, còn bị cáo T không thừa nhận có bán ma túy giúp bị cáo T1. Cấp sơ thẩm, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T1 và T mỗi bị cáo 07 năm 06 tháng tù và bị cáo V 07 năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T1 không kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo V, thấy rằng: Ngày 02-7-2019, bị cáo V bị bắt quả tang bán 01 tép ma túy loại Heroin cho người liên quan Nguyễn Văn Q. Ngoài ra, trong quá trình triệu tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm lần một, bị cáo V còn khai nhận trước đó có bán ma túy giúp bị cáo T1 02-03 lần nữa, trong đó có một lần “Vào khoảng 07-08 giờ ngày 01-7-2019 có hai người đến mua ma túy, nhưng lúc đó hàng đã hết, chỉ còn một tép, nên tôi chỉ bán cho một người một tép và lấy 100.000 đồng, người còn lại tôi không có bán” (BL 165, 166, 167 và 168). Lời khai này của bị cáo V phù hợp với: Lời khai của người liên quan Huỳnh Văn T2, Nguyễn Văn Q và lời khai của các bị cáo T1 và T. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm lần một và điều tra lại vụ án bị cáo T1 thay đổi lời khai về bị cáo V, cụ thể bị cáo T1 khai bị cáo V chỉ bán ma túy 01 lần vào ngày 02-7-2019, xét thấy bị cáo T1 thay đổi lời khai về bị cáo V như trên là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, có căn cứ kết luận bị cáo V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên, nên bị cáo kháng cáo cho rằng chỉ phạm tội một lần vào ngày 02-7-2019 là không có căn cứ để chấp nhận. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo V về tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo V là đồng phạm với bị cáo T1 nhưng với vai trò là người giúp sức, không có hưởng lợi và có quan hệ mẹ con với nhau.

[4] Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo V tại điểm o, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Xét thấy, bị cáo V có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà chưa được cấp sơ thẩm xem xét đó là thành khẩn khai báo, nên có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét thấy, bị cáo V có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V. Đồng thời, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Hiện nay, bị cáo đã 78 tuổi, mắc nhiều bệnh nền, đi đứng rất khó khăn, sức khỏe kém, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng; gia đình bị cáo có cha cùng hai người anh ruột là Liệt sĩ, mẹ ruột là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bản thân bị cáo cũng từng là viên chức Nhà nước trong ngành Y. Do đó, cần thực hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước đối với bị cáo, nên xem xét cho bị cáo hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo T, thấy rằng: Trong quá trình điều tra vụ án tại cấp sơ thẩm lần một, bị cáo T đều khai nhận bán ma túy giúp bị cáo T1 từ 04-05 lần, phù hợp với lời khai của bị cáo T1 và bị cáo V. Trong đó, có một lần theo lời khai của bị cáo T như sau: “Lần bán ma túy gần đây nhất của tôi là khoảng 20 giờ ngày 01-7-2019 cho một con nghiện tôi không rõ tên tuổi, tôi bán ma túy cho

người này với số lượng là một ông nhựa và số tiền là 100.000 đồng...” (BL 151, 152 và 155). Lời khai này của bị cáo T phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Q. Ngoài ra, Huỳnh Văn T2 khai nhận đến nhà mua ma túy do bị cáo T bán một lần, cách ngày Công an bắt giữ khoảng một tuần. Tuy nhiên, sau đó bị cáo T và bị cáo T1 đều thay đổi lời khai, cụ thể: Tại phiên tòa phúc thẩm lần một, bị cáo T khai chỉ bán ma túy giúp bị cáo T1 02 lần và bị cáo T1 thừa nhận; quá trình điều tra lại vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm lần hai và tại phiên tòa phúc thẩm lần hai, bị cáo T khai không bán ma túy giúp bị cáo T1 lần nào, trong khi đó tại phiên tòa sơ thẩm lần hai bị cáo T1 vẫn giữ nguyên lời khai bị cáo T bán ma túy hai lần. Quá trình điều tra lại vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất giữa bị cáo T với người liên quan T2 và Q, người liên quan vẫn giữ nguyên lời khai, còn bị cáo T cho rằng không bán ma túy cho Q và T2. Mặc dù, bị cáo T thay đổi lời khai, nhưng vẫn có đủ căn cứ để xác định bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Do đó, bị cáo kháng cáo kêu oan là không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Trong vụ án này, bị cáo T cũng là đồng phạm với bị cáo T1 với vai trò là người giúp sức nhưng không hưởng lợi. Bị cáo T là con của bị cáo V, bị cáo V có cha là Liệt sĩ, mẹ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng và hai người anh là Liệt sĩ; về nhân thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo T, nên có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T.

[9] Từ những phân tích trên, xét thấy: Kháng cáo của bị cáo V có căn cứ để chấp nhận một phần về phần hình phạt; kháng cáo kêu oan của bị cáo T không có căn cứ để chấp nhận, nhưng có căn cứ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T, nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về giải quyết vụ án có căn cứ để chấp nhận một phần. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo V và bị cáo T không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2021/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An về hình phạt đối với các bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V.

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Thanh T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02-7-2019.

Áp dụng: Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Trương Thị Thanh T 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, o và x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các Điều 17; 38; 50, 58 và 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày 15-3-2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì áp dụng khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Các bị cáo Trương Thị Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện Cần Giuộc(02b);
- VKSND huyện Cần Giuộc (01b);
- CQĐT Công an huyện Cần Giuộc (01b);
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc(01b);
- Các bị cáo (02b);
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thiện Tâm